TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 07 – 2019
(V/việc không công nhận vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 622/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 530/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trương Thị Thùy T, sinh năm 1984.

Địa chỉ nơi cư trú: đường P, khóm H, phường T, TpC, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: đường, khóm H, phường M, TpC, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: số đường T, khóm S, phường T, TpC, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị T trình bày, chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2003. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Ý kiến của anh N: Anh N trình bày, anh và chị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Anh N xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân nên anh đồng ý chấm dứt hôn nhân với chị T.

- Về con chung: Chị T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Nhã C, sinh ngày 30/6/2002, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh N: Anh N xác định có 01 con chung tên Nguyễn Nhã C, sinh ngày 30/6/2002, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh N xác định không có.

- Về nợ chung: Chị T và anh N xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh N thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh N là bị đơn chỗ ở hiện nay tại khóm S, phường T, TpC nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, và anh N có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh N đều xác định chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Xét về mâu thuẫn: Chị T và anh N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2003. Nay chị T và anh N đều yêu cầu chấm dứt hôn nhân với nhau. Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Xét thấy, trường hợp của chị T và anh N sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký và có yêu cầu ly hôn, phù hợp với quy định nêu trên nên cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N đều xác định có 01 con chung tên Nguyễn Nhã C, sinh ngày 30/6/2002, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và anh N đã đồng ý. Xét đây là tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiếp tục giao cháu Chi cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh N xác định không có.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh N xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhã C, sinh ngày 30/6/2002 (hiện đang sống chung với chị T) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị T là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T và anh N xác định không có.

Về nợ chung: Chị T và anh N xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm Trương Thị Thùy T nộp 300.000đ. Vào ngày 16 tháng 7 năm 2019, chị T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0000457 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyện

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.